TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST

Ngày 07-3-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Xuân Loan - Cán bộ về hưu.

Ông Lê Thành Thật - Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Cao Văn Thanh S, sinh năm 1963 tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: khóm ĐT, phường MP, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn C (chết) và bà Lý Thị T (chết); Bị cáo có vợ Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1963, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; Có 03 anh em, bị can thứ ba; Tiền án: Năm 1989, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 06 năm 01 tháng 15 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam"; Năm 1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" và tổng hợp với bản án trước đó, phải chấp hành tổng cộng 12 năm 07 tháng 15 ngày tù, chấp hành đến ngày 13/10/1993 thì S trốn trại; Ngày 26/9/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", 02 năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp với hình phạt của bản án trước là 19 năm 02 tháng 06 ngày tù, đến ngày 31/12/2008 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 30/01/2013, bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 26/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1986, bị Tòa

án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X) xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/8/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Bà **Huỳnh Huệ A**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm ĐT, phường MP, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Chị **Trần Thị Diễm B**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

3. Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm TH, phường MH, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường NH, khóm B, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Nguyễn Đ,** sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AL, xã AT, huyện CM, ,tỉnh An Giang.

2. Anh **Trần Thế E**, sinh năm 1985 (vắng mặt) .

Địa chỉ: đường TQ, phường MB, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Anh **Huỳnh Hoàng F**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: NĐ, phường C, thành phố TA, tỉnh Long An.

Tạm trú: phường 4, thành phố TA, tỉnh Long An.

4. Anh **Huỳnh Hoàng I**, sinh năm 1981 (vắng mặt) .

Địa chỉ: đường MT, phường C, thành phố TA, tỉnh Long An.

5. Chị **Phạm Thị Thanh G**, sinh năm 1972 (vắng mặt) .

Địa chỉ: đường NP, phường E, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông **Vương Kiến H**, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường TP, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông **Nguyễn Tấn K**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường TT, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Anh **Lê Quang M**, sinh năm 1986 (vắng mặt) .

Địa chỉ: đường NT, phường F, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Anh **Lê Sơn N**, sinh năm 1994(vắng mặt).

Địa chỉ: đường NĐ, phường A, thành phố TA, tỉnh Long An.

10. Chị **Hồ Thị Ngọc O**, sinh năm 1982 (vắng mặt) .

Địa chỉ: đường TH, phường 1, thành phố TA, tỉnh Long An.

11. Anh **Phạm Thanh P**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp

12. Chị **Nguyễn Thị Thu Q**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã NT, huyện ThT, tỉnh Long An.

13. Chị **Huỳnh Lệ Ng**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường HV, phường C, thành phố TA, tỉnh Long An.

14. Anh **Đồng Cư Sĩ Kh**, sinh năm 1977 (vắng mặt) .

Địa chỉ: khóm ĐT, phường TĐ, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

15. Bà **Bùi Thị Thanh Th**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường NH, phường F, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

16. Chị **Trịnh Huỳnh Diễm Hg**, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường KH, phường A, thành phố TA, tỉnh Long An.

17. Anh **Cao Tấn R**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HT, xã HB, huyện CT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn Thanh S đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/8/2018, Cao Văn Thanh S đến khu vực phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang với mục đích tìm tài sản lấy trộm. Khi đến đường LV, khóm 7, phường ML thấy trên vỉa hè có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo màu đỏ, biển số 67L1-532.32 nhưng không người trông giữ. Lợi dụng sơ hở này, S đến dùng đoản bẻ khóa điều khiển đến quán cà phê MH, gần khu vực phà VC, phường MT, thành phố X gửi cho chị Dương Thị U giữ. Đến khoảng 08 giờ 40 phút ngày 14/8/2018, Nguyễn Thanh Đ là chủ sở hữu phát hiện xe mô tô 67L1-532.32 bị mất nên đến Công an phường ML trình báo.

Đến 17 giờ ngày 15/8/2018, S đến quán cà phê MH lấy xe mô tô 67L1-532.32 chở Huỳnh Hoàng F là bạn của S đi chơi. Khi đến khu vực bến phà VC thì bị Công an phường MT phát hiện bắt giữ. Vật chứng thu giữ của S gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo biển số 67L1-532.32; 01 nón bảo hiểm màu trắng xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 03 cây đoản bằng

kim loại, 01 đầu điếu chữ L bằng kim loại, 01 quần dài bằng vải kaki màu xanh, 01 áo sơ mi tay dài màu xanh.

Quá trình điều tra, S khai nhận trước đó từ ngày 14/6/2018 đến ngày 23/7/2018 đã 03 lần lấy trộm 03 xe mô tô của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ, ngày 14/6/2018, S đến Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang thuộc phường MB, thành phố X lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 67N1-231.29 của chị Trần Thị Diễm B, S điều khiển đến cửa khẩu HM, tỉnh Long An bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 6.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 05/7/2018, S đến Chi cục Thuế thành phố X thuộc phường MH, thành phố X lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 67M1-316.51 của chị Nguyễn Thị C điều khiển đến cửa khẩu HM, tỉnh Long An bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 6.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 05 giờ ngày 22/7/2018, S đến Tịnh xá Ngọc Long thuộc phường ML, thành phố X lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo, biển số 67N9-6029 của chị Nguyễn Ngọc D điều khiển đến cửa khẩu HM, tỉnh Long An bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 6.000.000 đồng.

Các Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 167/KL.HĐ ngày 23/7/2018, số 168/KL.HĐ ngày 16/8/2018; số 182/KL.HĐ ngày 20/8/2018, số 166 ngày 26/11/2018 của Hội đồng Định giá trong tố tụng hình sự thành phố X, xác định:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision Việt Nam trị giá 21.692.300 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo Việt Nam trị giá 20.806.370 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo Việt Nam trị giá 21.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha Việt Nam trị giá 14.047.500 đồng.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo Cao Văn Thanh S về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b, c , g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm r, s khoản 1 Điều 51;

điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn Thanh S từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Các biện pháp tư pháp:

1. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

- 03 cây đoản bằng kim loại, 01 đầu điếu chữ L bằng kim loại, 01 biển số xe 59P2-006.78, 01 biển số xe 59E1-179.82 là công cụ phương tiện phạm tội và 01 phiếu giữ xe không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 nón bảo hiểm màu trắng xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung GaLong Anxy J4 màu đen, 01 quần dài bằng vải kaki, 01 áo sơ mi tay dài màu xanh; 01 điện thoại di động Iphone màu đen; 01 giấy giấy chứng minh nhân dân tên Cao Văn Thanh S; 01 giấy phép lái xe tên Cao Văn Thanh S; 01 giấy chứng nhận tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm tên Cao Văn Thanh S, 01 giấy cầm đồ tên Cao Văn Thanh S, 01 bóp da màu nâu bên trong có 01 thẻ Vietcombank tên Cao Văn Thanh S, là tài sản của Cao Văn Thanh S không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho S;

- Các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52H1-9318, 61L1-6615, 62B1-229.62, 63P1-8750, 54N2-0067, 66L6-5536, 62B1-375.03, 01 điện thoại di động hiệu Vivo, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, và 10.500.000 đồng là tài sản của Huỳnh Hoàng F, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho F.

- 01 xe AtiLong An biển số 62M1-0242, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62M1-0242 là của Cao Tấn R giao cho S quản lý sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả cho R.

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị C là của chị C nên đề nghị trả cho chị C.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62B1-112.35 của chị Huỳnh Lệ Ng giao cho anh ruột Huỳnh Hoàng F quản lý sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả cho chị Ng.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62B1-225.07 là của chị Trịnh Huỳnh Diễm Hg giao cho cậu ruột là Huỳnh Hoàng F quản lý sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả cho chị Hg.

- 01 giấy phép lái xe tên Huỳnh Hoàng I do I giao cho anh ruột là Huỳnh Hoàng F mượn, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho I.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Anh Nguyễn Thanh Đ đã nhân lại xe mô tô, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét đến.

- Chị Nguyễn Thị C yêu cầu S bồi thường thiệt hại 36.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

- Chị Nguyễn Ngọc D và anh Trần Thế E yêu cầu S bồi thường thiệt hại 35.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Bị hại B có mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng, về trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật

Bị cáo Cao Văn Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai nhận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và những chứng cứ khác đã được thu thập được trong quá trình điều tra, đủ căn cứ xác định: từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/8/2018 bị cáo S lợi dụng các chủ xe mô tô để sơ hở bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 04 xe mô tô của các chị Huỳnh Huệ A, Trần Thị Diễm B, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc D với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 77.546.170 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo không có nghề nghiệp liên tục thực hiện 04 lần thực hiện hành vi trộm, trước đó nhiều lần đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo lấy việc trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài là nguồn sống chính đây là tình tiết định khung theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 77.546.170 đồng đây là tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo S đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" vào năm 2013 và xác định là tái phạm, trong khi chưa được xóa án tích của bản án năm 2013 lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý vào ngày 14/6/2018, do đó lần này đây là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong việc quản lý tài sản của người dân. Bị cáo là người trưởng thành có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nhưng liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, từ năm 1986 đến nay bị cáo liên tục bị xét xử có thời gian dài chấp hành án trong trại giam. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn hối cải nhưng chỉ vì lười lao động muốn có tiền nhanh chóng mà không phải tốn công sức cực nhọc nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã tự thú các lần phạm tội trước đó, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo S đã nhiều lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục 04 lần thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Cao Văn Thanh S** phạm tội "Trộm cắp tài sản:

Căn cứ vào:

- Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 288; Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt:

Bị cáo **Cao VănThanh S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày: 15/8/2018.

[2] Về các biện pháp tư pháp:

[2.1] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 cây đoản bằng kim loại, 01 đầu điếu chữ L bằng kim loại, 01 biển số xe 59P2-006.78, 01 biển số xe 59E1-179.82, 01 phiếu giữ xe.

- Trả lại cho bị cáo S: 01 nón bảo hiểm màu trắng xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung GaLong Anxy J4 màu đen, 01 quần dài bằng vải kaki, 01 áo sơ mi tay dài màu xanh; 01 điện thoại di động Iphone màu đen; 01 giấy giấy chứng minh nhân dân tên Cao Văn Thanh S; 01 giấy phép lái xe tên Cao Văn Thanh S; 01 giấy chứng nhận tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm tên Cao Văn Thanh S, 01 giấy cầm đồ tên Cao Văn Thanh S, 01 bóp da màu nâu bên trong có 01 thẻ Vietcombank tên Cao Văn Thanh S.

- Trả lại cho Huỳnh Hoàng F: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52H1-9318, 61L1-6615, 62B1-229.62, 63P1-8750, 54N2-0067, 66L6-5536, 62B1-375.03, 01 điện thoại di động hiệu Vivo, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, và 10.500.000 đồng.

- Trả cho anh Cao Tấn R: 01 xe AtiLong An biển số 62M1-0242, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62M1-0242.

- Trả cho chị Nguyễn Thị C: 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị C.

- Trả cho chị Huỳnh Lệ Ng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62B1-112.35.

- Trả cho chị Trịnh Huỳnh Diễm Hg: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62B1-225.07.

- Trả lại cho anh Huỳnh Hoàng I: 01 giấy phép lái xe tên Huỳnh Hoàng I.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố X; Giấy nộp tiền số 01 ngày 11/1/2019 của Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang)

[2.2] Về bồi thường thiệt hại:

- Bị cáo S có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Diễm B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Bị cáo S có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

- Bị cáo S có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc D và anh Trần Thế E số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo nộp 4.550.000 đồng (bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị hại vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Công an TPLX;
- THA DS TPLX;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt